TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19/02/2021
"Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Tỷ.
Ông Nguyễn Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Trần Rin Ca - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 480/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 561/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T1, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Diệp Duy T2, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Diệp Kim L, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T1 có mặt, anh T2 và bà Lai vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị T1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T2 yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường hay cải vả do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù chị T1 đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, anh T2 không có thiện chí hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nên tình cảm đã phai nhạt. Do đó, chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Diệp Duy T2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Diệp Như Q, sinh ngày 22/6/2010 và Diệp Thành D, sinh ngày 29/8/2015, hiện đang sống chung với chị T1 và bà Lai. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Diệp Duy T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có cung cấp văn bản ý kiến.*

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Diệp Kim L trình bày:*

Bà là mẹ ruột của anh T2 và là mẹ chồng của chị T1. Sau khi cưới nhau thì anh T2 và chị T1 sống chung với bà tại xã M huyện T. Bà xác định vợ chồng anh T2 đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ nhiều năm trước. Anh T2 thỉnh thoảng có về nhà thăm các con. Khi Tòa án thụ lý và tống đạt các văn bản tố tụng tại nhà cho anh T2 thì bà đều có thông báo cho anh T2 biết nhưng vì sao anh T2 vắng mặt tại các phiên họp và hòa giải của Tòa án thì bà không biết.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Trích lục kết hôn (bản sao);

2. Giấy khai sinh 02 con chung (bản sao);

3. Văn bản trình bày ý kiến của con chung Diệp Như Q (bản chính).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc thuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Chị T1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Anh T2 và bà L chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T1 về quan hệ hôn nhân và nuôi con. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung do chị T1 không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T2.

[4] Về nội dung:

[4.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị T1 và anh Diệp Duy T2 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M huyện T. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Chị T1 trình bày sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường hay cải vã do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù chị T1 đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, anh T2 không có thiện chí hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nên tình cảm đã phai nhạt. Do đó, chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Diệp Duy T2.

Về phía bị đơn anh Diệp Duy T2, từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T2 nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng anh T2 đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T2 vẫn cố tình vắng mặt, điều này thể hiện sự thiếu trách nhiệm của anh T2 đối với quan hệ hôn nhân, không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T1 đối với anh Diệp Duy T2 là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Quan hệ nuôi con chung:

Chị T1 trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Diệp Như Q, sinh ngày 22/6/2010 và Diệp Thành D, sinh ngày 29/8/2015 hiện đang sống chung với chị T1 và bà L. Tại phiên tòa, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Tại Văn bản ý kiến đền ngày 21/01/2021, mặc dù cháu Như Q trình bày nguyện vọng được sống chung với bà L; Tuy nhiên căn cứ vào Điều 104 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"*Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Điều 104. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu

1. Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu; trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 của Luật này thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.

2. Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại; trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng."

Theo quy định trên, thì chỉ có cha, mẹ mới là người trực tiếp nuôi con, nếu như không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không đủ điều kiện để nuôi dưỡng thì anh, chị, em ruột có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng nhau. Trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không đủ điều kiện mà không có anh, chị, em có đủ điều kiện thì ông bà nội, ông bà ngoại có trách nhiệm có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu. Như vậy, quyền trực tiếp nuôi dưỡng của ông bà chỉ đặt ra khi trẻ em chưa thành niên không có cha, mẹ, anh, chị, em ruột có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng.

Mặc khác, xét thấy hiện tại bà L đã lớn tuổi, sức khỏe không còn được tốt và thu nhập chính từ nghề may vá sửa quần áo cũng không cao và không ổn định, không thể đảm bảo được điều kiện về vật chất để nuôi dưỡng cháu Q tốt nhất; về phía anh T2 từ trước đến nay thường xuyên vắng nhà và cũng không có trách nhiệm đối với các con chung.

Do đó, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của các cháu Hội đồng xét xử chấp nhận chị T1 là người được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Bởi lẽ,

hiện tại chị có công việc mang lại thu nhập ổn định, hơn nữa các con từ trước đến nay vẫn luôn sống chung với chị ổn định về tâm sinh lý.

Anh T2 và chị T1 có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh T2 được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó".

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy tại phiên tòa chị T1 không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.3] Quan hệ chia tài sản: Chị Phan Thị T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4] Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con như đã phân tích, lập luận trên. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con và quan hệ chia tài sản do nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Xét thấy tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở như đã nhận định trên.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104 và Điều 105 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T1 được ly hôn với anh Diệp Duy T2.

Về quan hệ nuôi con: Chị Phan Thị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Diệp Như Q - sinh ngày 22/6/2010 và Diệp Thành D - sinh ngày 29/8/2015, hiện đang sống chung với chị T1 và bà L.

Anh T2 và chị T1 có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh T2 được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T1 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ chia tài sản: Chị Phan Thị T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006500 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Chị Phan Thị T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh Diệp Duy T2 và bà Diệp Kim L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Tuấn